CÔNG TY TNHH KĐ VÀ TVXD HOÀNG GIA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 07/TB-HG *(V/v Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)*	*An Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2026*

CÔNG BỐ NĂNG LỰC

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐẾN Số: 18411
Ngày: 22/5/2026
Chuyển: ...

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều cử Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

Căn cứ công văn hướng dẫn số: 3491/SXD-QLCL ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Sở Xây Dựng tỉnh An Giang về việc tự công bố công khai thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo qui định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ;

Công ty TNHH Kiểm định và tư vấn xây dựng Hoàng Gia công bố, công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 1602128633 cấp lần đầu ngày 18/09/2020 , cấp lần thứ 04 ngày 07/08/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: BT2, đường số 16, phường Bình Đức, Tỉnh An Giang.

- Người đại diện pháp luật: NGUYỄN HOÀNG Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0913.699.067

- Website: https://www.xdhoanggia.com.vn/ ; Email: xdhoanggia.hg@gmail.com

- Mã số thuế: 1602128633

- Đáp ứng yêu cầu chung : Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm : PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

- Địa chỉ PTN : BT2, đường số 16, phường Bình Đức, Tỉnh An Giang.
- Trưởng phòng thí nghiệm: LÊ PHÚC SINH
- Điện thoại: 0972 069 119 Email: lesinhlx@gmail.com

1.3 Thông tin trạm thí nghiệm : không có

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG VÀ HÓA XI MĂNG**			
1.	Xác định độ mịn bằng phương pháp sàng, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605 : 2023	Sàng thí nghiệm , cân kỹ thuật 3200g/0.01g, và cân phân tích 1000g/0,001g, tủ sấy 300^0C/1°C, Bình khối lượng riêng cổ cao.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011;	Máy nén hiệu TYA-300 300kN/0,01 số : 2304725, tủ dưỡng mẫu xi măng.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn (10,00 ± 0,05) mm, kim xuyên bắt đầu đông kết (1,13 ± 0,05) mm, kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm (chảo trộn, bay trộn hồ, cân đĩa	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

			tử 30kg /1g, ống đong, đồng hồ bấm giây.	
II.	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
4.	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật , bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
5.	Thử nghiệm xác định thành phần bê tông sử dụng cát mịn	TCVN 10796:2015	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
6.	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
7.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022;	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
8.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022;	Côn thử độ sụt + tấm đế , que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 500mm, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

9.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022 ;	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g) , dao thép gạt mẫu, búa cao su	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
10.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022;	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, Cân kỹ thuật 3200g (0.01g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300^0c (±1 °C), sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
11.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022 ;	Cân kỹ thuật 3200g (0.01g) ; thùng ngâm mẫu, tủ sấy 300^0c (±1 °C), khăn lau, bàn chải, đá mài.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
12.	Xác định giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022;	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), số: 20113 , đệm truyền tải	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
13.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022;	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
III.	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC**			
14.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân đĩa 30kg/1g , dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, …	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

15.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật 3200g/ 0,01g, cân đĩa 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng (50;37.5;25;19;16;12.5;9.5;4.75;2.36;1.18;0.425; 5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm); tủ sấy đến 300^0C/1 °C	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
16.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300^0C/1 °C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
17.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật 3200/0.01g, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến 300^0C/1 °C.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
18.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006 ;	Thùng đong, cân đĩa 30kg/1g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300^0C/1 °C, thước lá kim loại.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
19.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ;	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, hộp đựng mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
20.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006;	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng

			300^0C/1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Đức Huy
21.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006;	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
22.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	**Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số: 20113 , máy khoan, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu.**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
23.	Xác định độ nén dập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số: 20113, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1,25mm, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thùng ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
24.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006;	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300^0C/1°C, máy quay mài mòn Los Angeles.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
25.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006;	Cân đĩa 30kg/1g , bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300^0C/1°C	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
26.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân kỹ phân tích 320g/0.001g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, lò nung 1000^0C/ 1°C, cối chày	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

			đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ.	
27.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN7572-15:2006	Cân kỹ phân tích 320g/0.001g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF,NaOH, …..	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
28.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân kỹ phân tích 320g/0.001g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, lò nung 1000^0C/ 1°C, cối chày đồng, bếp điện , sàng 5mm, bình định mức 1000ml, cốc, nén nung, hóa chất chỉ thị bari clorua, mety đỏ .	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
29.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ phân tích 320g/0.001g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đũa thuỷ tinh.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
30.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, kính lúp	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
31.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ phân tích 320g/0.001g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám , đũa thuỷ tinh.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

32.	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 14135-4:2024; TCVN 9205: 2012;	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến 300^0C/1°C, sàng tiêu chuẩn 0.075mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
IV.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**			
33.	kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước lá.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
34.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số :20113, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
35.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số :20113, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
36.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thùng ngâm mẫu…	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
37.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thước lá kim loại…	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
38.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0,01g ,thùng chứa mẫu, tấm kính, cát .	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
39.	Xác định độ vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng giữ ẩm duy trì 95-100%, thước lá 500mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

V.	**THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**			
40.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước lá.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
41.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số :20113, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
42.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thùng ngâm mẫu…	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
VI.	**THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG**			
43.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước lá.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
44.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân đĩa 30kg/1g, thùng chứa mẫu, tấm kính, cát …	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
45.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, số :20113 thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
46.	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm và bể ngâm mẫu, tủ sấy đến 300^0C/1°C, Cân kỹ thuật 30kg/1g	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
47.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Cân đĩa 30kg/1g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thùng ngâm mẫu…	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng

				Nguyễn Đức Huy
VII.	**THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ**			
48.	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kính thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017	Thước thép dài 1000mm/1mm, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước đo góc.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
49.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thùng ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
50.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, số :206 thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
51.	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017	Dụng cụ thí nghiệm đo co khô Model : BC-135, đồng hồ so 0.001mm, tủ sấy đến 300^0c (±1 °C), thước kẹp điện tử, dao cắt mẫu, ốc vít 2 đầu múp tròn để gắng 2 đầu đo độ co khô	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
52.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030: 2017	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến 300^0c (±1 °C), bình hút ẩm, thước kẹp điện tử 300mm (0.01mm) , thước lá kim loại, cân kỹ thuật 3200g /0,001g	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
VIII.	**THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT**			
53.	Xác định thước sai lệch kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước Pame, thước đo góc	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

54.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến $300^0C/1^oC$, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ổn định nhiệt gia nhiệt độ để đun sôi.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
IX.	**THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN**			
55.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 4732:2016	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước Pame, thước đo góc	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
56.	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy đến $300^0C/1^oC$, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ổn định nhiệt gia nhiệt độ để đun sôi.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
X.	**THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**			
57.	Xác định kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước Pame, thước đo góc	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
58.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật 3200g/0.1g, tủ sấy đến $300^0C/1^oC$, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm,bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
XI.	**THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO**			
59.	Xác định kiểm tra sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước Pame, thước đo góc	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng

				Nguyễn Đức Huy
60.	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Cân kỹ thuật 30kg/1g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
61.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén Marshall gắn cảm biến lực 100kN(d= 0.01 kN), số: 5094217, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, , tủ sấy đến 300^0C/1°C, bộ gối uốn	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
XII.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI ĐẤT SÉT NUNG, NGÓI TRÁNG MEN**			
62.	Xác định độ hút nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
63.	Xác định độ thấm nước	TCVN 1453:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
64.	Xác định khối lượng $1m^2$ ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300^0C/1°C, Bể nước ngâm mẫu.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
XIII.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG**			

65.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Nguyễn Văn Lưng Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
66.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến ,cân đĩa 30kg/1g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến $300^0C/1^oC$), hộp nhôm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Nguyễn Văn Lưng Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
67.	Thí nghiệm đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, cân đĩa 30kg/1g, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến $300^0C/1^oC$), hộp nhôm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Nguyễn Văn Lưng Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
XIV.	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN**			
68.	Thử kéo (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 197-1:2014;	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, bộ ngàm kéo, cân kỹ thuật 30kg/1g, thước thép 1000mm.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
69.	Thử uốn (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 198:2008;	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, bộ gối uốn	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
70.	Đo các đặc trưng hình học và xác định sai lệch khối lượng danh nghĩa một mét dài (thanh, dây và sợi làm cốt, thép dự ứng lực)	TCVN 7937 -1 :2013 TCVN 7937 -3 :2013	Thước thép 1000mm, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
71.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010;	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số :	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang

			2042, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
72.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010,	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
73.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	Nguyễn Hoàng Lê Phúc Sinh
74.	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép 1000mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
75.	Thử cấp độ bền kéo bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370-24a, ASTM F606/F606M-24	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm; bộ chuông kéo bu lông	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
76.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396 :2018;	Thiết bị kiểm tra từ tính-model CJE – 12/220	Nguyễn Hoàng Lê Phúc Sinh
77.	Thử nghiệm thép thanh cốt thép bê tông (thử uốn và uốn lại không hoàn toàn)	TCVN 6287:1997	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ gối uốn	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
78.	Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống kim loại	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014;	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042 thước cặp điện tử 200mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ ngàm kéo	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

79.	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 8163:2009 TCVN 13711-2:2023; TCVN 197-1:2014;	Máy thử kéo – nén WA-1000B (0-1000 kN), số : 2042, ngàm kẹp kéo , thước thép 1000mm.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Lê Phúc Sinh Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
XV.	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY**			
80.	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Cân kỹ thuật 3200g/0.01g, tủ sấy 300^0C/1°C, bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm; 0,14mm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
81.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Bàn dằn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn đường kính đáy lớn 100mm, đáy nhỏ 75mm, cao 60mm, dày 2mm.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
82.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Bình đong 1000ml, Cân kỹ thuật 3200g/0.01g	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
83.	Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật 30kg/1g, tủ sấy đến 300^0c, thước kẹp điện tử 200mm (0.01mm).	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
84.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022,	Máy nén hiệu TYA-300kN/0,01kN; số : 171008A, gối uốn, gối nén	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
85.	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật 3200g/0,01g, tủ sấy đến 300^0c (±1 °C) , đồng hồ bấm dây, tủ dưỡng ẩm	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng

				Nguyễn Đức Huy
XVI.	**THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**			
86.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012,	**Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật 3200g/0,01g, cân đĩa 30kg/1g , dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, tủ sấy 300^{0}C/1°C**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
87.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012	**Phễu rót cát,búa đục, cọ, cân đĩa 30kg/1g, bếp ga, tủ sấy 300^{0}C/1°C**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
88.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	**Thước 3m, kiểu : JZC - 3, nêm đo khe hở, cọ quét**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
89.	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của kết cấu áo đường bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011	**Tấm ép đk 33cm, kích thủy lực 0÷200kN, Đồng hồ áp (0-600) kg/cm2, đồng hồ so 10mm, bút đo nhiệt độ**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
90.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	**Tấm ép đk 76;61;46;33cm, kích thủy lực 0÷200kN, Đồng hồ áp (0-600) kg/cm2, đồng hồ so 10mm**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
91.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011;	**Bộ đo nhám mặt đường**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
92.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy kết hợp phương pháp siêu âm	TCVN 9335:2012,	**Máy siêu âm bê tông C369N ; phạm vi đo (0-9999,9)µs, Thiết bị thử độ cứng bê tông số : M02813**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

93.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012;	**Thiết bị thử độ cứng bê tông số : 1U0113**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
94.	Xác định độ đồng nhất bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13537:2022	Máy siêu âm bê tông C369N ; phạm vi đo (0-9999,9)µs	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
95.	Thí nghiệm sức chịu tải của cọc bằng phương pháp sử dụng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012;	Kích thủy lực 200tấn , hệ thống bơm áp, đồng hồ so 0÷100mm cơ hoặc điện tử	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Nguyễn Thái Dương
96.	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép kích thước 50x50cm, Kích thủy lực 200 tấn hệ thống bơm áp, đồng hồ so 0÷50mm cơ hoặc điện tử	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Lê Phúc Sinh Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
97.	Đo đạc trắc địa phục vụ công tác thi công	TCVN 9364:2024	Máy thủy bình; số: AT-B4A; Máy kinh vĩ; số : 175720, thước dây, một số thiết bị phụ trợ.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Lê Phúc Sinh Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
98.	Xác định chuyển vị ngang nhà và công trình xây dựng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012	Máy thủy bình; số: AT-B4A; Máy kinh vĩ; số : 175720, thước dây, một số thiết bị phụ trợ.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Lê Phúc Sinh Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
99.	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360 : 2012	Máy thủy bình; số: AT-B4A; Máy kinh vĩ; số : 175720, thước dây, một số thiết bị phụ trợ.	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Lê Phúc Sinh Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy
100.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	**Máy đo điện trở tiếp đất model: KEW 4105A**	Vưu Hoàng Sang

101.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020;	**Máy nén hiệu TYA-300kN/0,01kN,số: 2304725, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, máy khoan.**	Nguyễn Hoàng Vưu Hoàng Sang Huỳnh Tam Hưng Nguyễn Đức Huy

Tất cả các nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: https:// www.xdhoanggia.com.vn/

Công Ty TNHH Kiểm Định Và Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Gia, chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
Giám Đốc

M.S.D.N: 1602128 CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA T.P LONG XUYÊN-T.AN GIANG

Nguyễn Hoàng